TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-09-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Thuần;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Như H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: L, xã P, huyện B1, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp T, xã S, huyện B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Mai Thị Như H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông N tự chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện B, tỉnh Bình Thuận ngày 23/10/2008. Sau khi kết hôn, bà và ông N cùng sống tại tổ 10, ấp T, xã S, huyện B1, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu, bà và ông N sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N thường xuyên ăn nhậu không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, mỗi lần nhậu về ông N chửi mắn, đánh đập bà, dùng dao chém bà, giữa đêm bà phải ôm con chạy để tránh ông N đánh đập. Mâu thuẫn giữa bà với ông N là trầm trọng không khắc phục được, bà với ông N cũng không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hoàng N.

- Về con chung: Bà và ông N trong thời gian chung sống có một con chung tên Lê Anh K, sinh ngày 19/7/2009, hiện cháu K do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con Lê Anh K, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông N vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 13/09/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn bà H vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn ông N vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H vắng mặt (có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn ông N tiếp tục vắng mặt không có lý do và các đương sự không thêm cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện B1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình, tuy nhiên hôn nhân giữa ông, bà không còn hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn, không hàn gắn được, bà H và ông N sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông N không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình, thể hiện qua việc ông N không tham các phiên hòa giải, không quan tâm đến việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông N đã trầm trọng, việc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H xin được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà H và ông N có một con chung tên Lê Anh Kiệt, sinh ngày 19/7/2009, hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên tên Lê Anh K cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà H (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn ông N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ

Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2007 trước khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực pháp luật, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N được xác lập trước năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông N thường xuyên ăn nhậu không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, chửi mắn, đánh đập bà H và bà H, ông N đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *"Vợ chồng chung thuỷ, tH yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững"*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà H và ông N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay, do nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông N là trầm trọng, việc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: Bà H và ông N có một con chung tên Lê Anh K, sinh ngày 19/7/2009, hiện đang sống chung với bà H; khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận, giao con chưa thành niên tên Lê Anh K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn ông N không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không xem xét.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Như H là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Lê Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Mai Thị Thu H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Như H được ly hôn ông Lê Hoàng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã H1, huyện B, tỉnh Bình Thuận không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chưa thành niên tên Lê Anh K, sinh ngày 19/7/2009 cho bà Mai Thị Như H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Như H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007577 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Mai Thị Như H đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tịnh Biên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Nam Phú